

Hướng dẫn về các loại thuế của thành phố liên quan đến công dân người nước ngoài

～外国人市民に身近な市税の案内～



KAWASAKI CITY

Bản tiếng Việt
ベトナム語版

Được phát hành bởi Phòng quản lý thuế thuộc Cục tài chính thành phố Kawasaki (tháng 2 năm 2019)

発行：川崎市財政局市民税管理課(平成 31年 2月)

Tel:044-200-2222 Fax:044-200-3907

Thuế thị dân (“Shimin-zei”) được các quý vị nộp cho thành phố là nguồn tài chính quan trọng của Thành phố Kawasaki dành phục vụ nhiều dự án ý nghĩa liên quan đến tất cả các quý vị sinh sống trong thành phố.

Đây là tờ hướng dẫn giải thích về Thuế thị dân dành cho công dân người nước ngoài sinh sống trong thành phố Kawasaki.

皆様から納めていただいた市税は、川崎市が住民の皆様にかかわりの深いさまざまな事業を行うための重要な財源となっています。

このパンフレットは、川崎市にお住まいの外国人市民のために、市税についてご説明するものです。

1. Thuế thị dân (cá nhân)

Chúng tôi tin rằng các chi phí cần thiết phục vụ cho các dịch vụ hành chính liên quan trực tiếp đến đời sống hàng ngày của tất cả công dân nên được các công dân chịu một cách rộng rãi, cũng như Thuế thị dân (cá nhân) là thuế biểu hiện rõ nhất.

Thuế thị dân (“Shimin-zei”) và Thuế của tỉnh (“Kenmin-zei”) được gộp chung lại thường gọi là Thuế cư trú (“Jumin-zei”), và được tính dựa trên thu nhập của một năm trước đó. Các thủ tục liên quan đến thuế cư trú (khai báo thuế, nộp thuế...) được thụ lý bởi thành phố Kawasaki.

Thuế thị dân được chia thành 2 loại theo cách tính khác nhau. Đó là phần trăm đồng đều (“Kinto-wari”) và phần trăm thu nhập (“Shotoku-wari”). Phần trăm đồng đều là tiền thuế mà tất cả công dân đóng bằng nhau không phân biệt mức thu nhập cao hay thấp. Phần trăm thu nhập là tiền thuế đóng dựa trên mức thu nhập của người đóng.

○ Đối tượng nộp thuế thị dân (cá nhân)

Thuế thị dân (cá nhân) được áp dụng đối với tất cả công dân kể cả người nước ngoài đã đăng ký cư trú tại thành phố Kawasaki vào ngày 1 tháng 1.

Ngoài ra, thuế phần trăm đồng đều cũng áp dụng đối với người không sinh sống trong thành phố Kawasaki nhưng có văn phòng, địa điểm kinh doanh, nhà cửa...trong thành phố Kawasaki.

○ Phương thức nộp thuế thị dân (cá nhân)

(1) Đối với người kinh doanh cá nhân hoặc người làm công ăn lương đã nghỉ việc và không còn nhận lương từ công ty, sẽ được Chi nhánh thuế hoặc Phòng thuế của thành phố gửi Thông báo nộp thuế. Tiền nộp thuế của 1 năm được chia thành 4 đợt, thường là vào tháng 6, tháng 8, tháng 10 và tháng 1 năm sau. Hạn nộp thuế của mỗi đợt là vào ngày cuối cùng của tháng đó.

1. 市民税 (個人)

すべての住民の日常生活に直接結びついた行政サービスに必要な経費は、広く住民に負担していただくことが望ましく、市民税はこのような性格を最もよく表している税です。

市民税は、県民税と合わせて一般に「住民税」と呼ばれており、前年1年間の所得に応じて課税されます。なお、申告から納税までをまとめて市が取り扱います。

市民税は「均等割」と「所得割」に区別されます。「均等割」とは、所得が多いか少ないかにかかわらず、均等の税額を負担していただくものです。「所得割」とは、所得に応じて負担していただくものです。

○ 市民税 (個人) を納める人

外国人の方についても、1月1日に川崎市に住民登録があった人は、市民税 (個人) が課税されます。

なお、川崎市内に住んでいなくても、川崎市内に事務所、事業所または家屋敷を持っている人には均等割が課税されます。

○ 市民税 (個人) の納め方

(1) 個人事業者や会社を退職して給与の支払いを受けていない人には、市税事務所・市税分室から納税通知書が送付されます。この通知書により、6月、8月、10月、翌年1月の通常年4回に分けられた税額を、それぞれの月の納期限 (同月末日) までに納めていただきます。

(2) Đối với người làm công ăn lương, tiền thuế sẽ được thông báo thông qua công ty. Tiền thuế của một năm sẽ được chia thành 12 lần, và công ty sẽ khấu trừ vào tiền lương mỗi tháng từ tháng 6 của năm này đến tháng 5 của năm sau.

(2) 会社に勤めている人には、会社を通じて税額が通知されます。年税額を12回に分けて、会社が6月から翌年5月までの各月の給与から税額を差し引いて納めることとなります。

Khi thôi việc, hãy yêu cầu công ty khấu trừ khoản tiền thuế chưa nộp trong một lần từ tiền lương.

Nếu quý vị dự định rời khỏi Nhật, hãy nộp trong một lần các khoản thuế chưa đóng, hoặc cử người đại diện chịu trách nhiệm nộp thuế, sau đó liên lạc đến Chi nhánh thuế hoặc phòng thuế thành phố về người đại diện đó.

会社を退職するときは、未納の税額を一括して給与から差し引いてもらうよう、会社へ申し出てください。

日本を出国するときは、未納の税額を一括して納めるか、または代わりに税金を納める納税管理人を定めて、市税事務所・市税分室へ連絡してください。

2. Thuế tài sản cố định và Thuế quy hoạch thành phố

Thuế tài sản cố định ("Koteishisan-zei") là thuế được áp dụng đối với người sở hữu đất đai, nhà cửa và tài sản khấu hao (sau đây gọi chung là Tài sản cố định) vào ngày 1 tháng 1 hàng năm. Tiền thuế sẽ được tính dựa trên giá tài sản cố định (giá phù hợp theo thị trường).

Thuế quy hoạch đô thị ("Toshikeikaku-zei") là thuế được áp dụng với mục đích trang trải vào những chi phí cho các dự án quy hoạch đô thị hoặc dự án điều chỉnh đất đai.

Đối với Thuế tài sản cố định và Thuế quy hoạch đô thị, dựa vào Thông báo nộp thuế được gửi đến từ Chi nhánh thuế hoặc Phòng thuế thành phố, tiền nộp thuế của năm sẽ được chia thành 4 đợt, vào tháng 4, tháng 7, tháng 12 và tháng 2 năm sau. Hạn nộp thuế là ngày cuối cùng của tháng đó.

3. Thuế xe hơi hạng nhẹ

Thuế xe hơi hạng nhẹ ("Keijidousha-zei") là thuế được áp dụng đối với người sở hữu các loại xe sau đây vào ngày 1 tháng 4 hàng năm như xe máy, xe hơi hạng nhẹ, xe đặc biệt loại nhỏ, xe 2 bánh loại nhỏ. Tiền thuế sẽ được tính dựa theo từng chủng loại xe, lượng khí thải...

Mời quý vị nộp Thuế xe hơi hạng nhẹ bằng Giấy thông báo nộp thuế được gửi từ Chi nhánh thuế hoặc Phòng thuế thành phố trước ngày hết hạn theo qui định (thường là vào cuối tháng 5).

2. 固定資産税・都市計画税

固定資産税は、毎年1月1日現在に、土地・家屋・償却資産（これらを総称して「固定資産」といいます。）を所有している方に対し課される税です。税額は固定資産の価格（適正な時価）に応じて決定されます。

都市計画税は、都市計画事業または土地区画整理事業に要する費用に充てるために課税される目的税です。

固定資産税・都市計画税は、市税事務所・市税分室から送付される納税通知書により、4月、7月、12月、翌年2月の通常年4回に分けられた税額を、それぞれの月の納期限（同月末日）までに納めていただきます。

3. 軽自動車税

軽自動車税は、毎年4月1日現在に、原動機付自転車、軽自動車、小型特殊自動車、2輪の小型自動車を所有している人に課される税です。税額は車種及び排気量などにより定められています。

また、軽自動車税は、市税事務所・市税分室から送付される納税通知書により、定められた納期限（通常は5月末日）までに納めていただきます。

4. Nơi nộp thuế thị dân

Mời quý vị mang Giấy nộp thuế ("Nofusho") đến đóng tại các Tổ chức tín dụng, ngân hàng bưu điện ("Yucho ginko"), bưu điện, cửa hàng tiện ích ("Comбини"), hãy thanh toán trước ngày hạn được ghi trong giấy Thông báo nộp thuế.

5. Trường hợp không nộp thuế đúng hạn

Nếu không nộp thuế thành phố đúng hạn, Chi nhánh thuế hoặc Phòng thuế thành phố sẽ gửi Thư nhắc nhở, và có thể sẽ bị xử lý cưỡng chế như tịch thu tài sản...

Ngoài ra, ngoài khoản tiền thuế phải nộp quý vị sẽ phải trả thêm khoản phí gọi là phí chậm nộp thuế.

6. Trường hợp cần Giấy chứng nhận nộp thuế

Khi cần Giấy chứng nhận nộp Thuế thị dân, quý vị có thể đến Chi nhánh thuế Phòng thuế thành phố, hoặc quầy dịch vụ cấp giấy chứng nhận thuế của Ủy ban quận (Kuyakusho). Khi đi quý vị nhớ mang theo giấy tờ chứng nhận nhân thân như Thẻ mã số cá nhân (my number card), Thẻ lưu trú, hộ chiếu, bằng lái xe...

Lệ phí cho 1 lần cấp là 300 yên.

4. 市税を納めるところ

納付書をお持ちのうえ、納税通知書に記載された納期限までに、金融機関、ゆうちょ銀行・郵便局、コンビニエンスストアでお納めください。

5. 納期限までに市税を納めないとき

納期限までに市税を納めないと、市税事務所・市税分室から督促状が送付され、財産の差押えなどの処分を受けることがあります。

また、本来納めるべき税額のほかに、延滞金も合わせて納めていただくこととなります。

6. 市税の証明書が必要なとき

市税の証明書が必要なときは、市税事務所・市税分室または区役所・支所市税証明発行コーナーの窓口にて、本人確認ができるもの（マイナンバーカード、在留カード、特別永住者証明書、パスポート、運転免許証など）をお持ちください。手数料は1件につき300円です。

Dành cho người cần cấp Giấy chứng nhận nộp thuế cư trú để làm thủ tục gia hạn thời gian lưu trú

Khi làm thủ tục gia hạn thời gian lưu trú, Cục quản lý xuất nhập cảnh có thể yêu cầu quý vị cung cấp Giấy chứng nhận nộp Thuế cư trú. Trong Giấy chứng nhận này có ghi rõ các thông tin như tổng thu nhập, số tiền chịu thuế, số tiền thuế đã nộp... Tuy nhiên, nếu quý vị chưa làm thủ tục kê khai thu nhập của năm trước thì sẽ không bị đánh thuế, và vì vậy sẽ không được cấp Giấy chứng nhận nộp thuế. Đối với trường hợp này, trước tiên hãy mang các chứng từ có thể hiện thu nhập của năm trước (như "Gensen choshu hyo": Phiếu Nguồn thu nhập để tính mức thu thuế...) và làm thủ tục khai báo thuế. Sau đó số tiền thuế sẽ được tính, nếu quý vị nộp thuế thì lúc này sẽ nhận được Giấy chứng nhận nộp thuế.

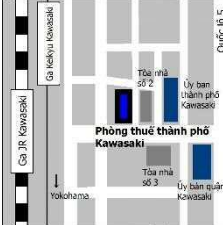
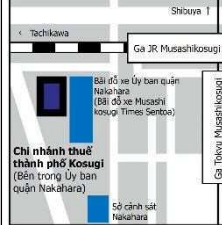

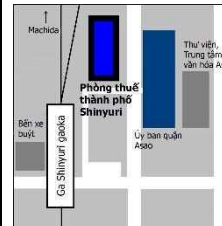
Ngoài ra, đối với quý vị nào không có thu nhập sẽ không phải đóng thuế nên cũng sẽ không nhận được Giấy chứng nhận nộp thuế. Thay vào đó, quý vị sẽ nhận được Giấy chứng nhận miễn thuế.

在留期間の更新のため、住民税の納税証明書を取得する方へ

在留期間を更新するため、入国管理局から住民税の納税証明書の提出を求められることがあります。住民税の納税証明書には、収入金額や課税額、納付済みの税額などが記載されています。しかし、前年の収入を申告していない方は、課税されていないので、納税証明書を取得することができません。その場合、前年の収入がわかる書類(源泉徴収票など)をお持ちいただき、まず申告をしてください。その後課税額が決定され、税金を納めていただくと、納税証明書が取得できるようになります。

また、収入がない方は課税されないため、納税証明書、課税額証明書は取得できません。その代わりに、非課税証明書を取得することができます。

7. Địa chỉ liên hệ về Thuế thị dân của thành phố 7. 市税に関するお問合せ先

 <p>Công dân sống tại các quận Kawasaki, Saiwai Văn phòng thuế thành phố Kawasaki (Lầu 1~4 tòa nhà Kawasaki Miyuki) Tel: 044-200-3938 ●川崎区、幸区に住んでいる人 かわさぎ市税事務所 (川崎御幸ビル1~4階) Tel: 044-200-3938</p>		 <p>Công dân sống tại quận Nakahara Chi nhánh thuế thành phố Kosugi (Lầu 3 Ủy ban quận Nakahara) Tel: 044-744-3113 ●中原区に住んでいる人 こすぎ市税分室 (中原区役所3階) Tel: 044-744-3113</p>	
 <p>Công dân sống tại quận Takatsu và Quận Miyamae Văn phòng thuế Mizonokuchi Tel: 044-820-6555 ●高津区、宮前区に住んでいる人 みぞのくち市税事務所 Tel: 044-820-6555</p>		 <p>Công dân sống tại quận Tama, quận Asao Văn phòng thuế Shinyuri (Lầu 5 Shinyuri Twenty-one) Tel: 044-543-8988 ●多摩区、麻生区に住んでいる人 しんゆり市税事務所 (新百合トウェンティワン5階) Tel: 044-543-8988</p>	

Nội dung liên hệ	お問合せ内容	Nơi liên hệ	お問合せ先
Về Giấy chứng nhận và Thuế xe hơi hạng nhẹ 証明書や軽自動車税のこと		Quản lý Bộ phận thuế thị dân phòng thuế thành phố (Phụ trách quản lý Chi nhánh thuế thành phố) 市税事務所市民税課管理係 (市税分室管理担当)	
Về Thuế thị dân (cá nhân) 市民税 (個人) のこと		Quản lý Thuế thị dân phòng thuế thành phố (Phụ trách Thuế thị dân Chi nhánh thuế thành phố) 市税事務所市民税課市民税係 (市税分室市民税担当)	
Về Thuế tài sản cố định và Thuế quy hoạch đô thị 固定資産税・都市計画税のこと		Bộ phận thuế tài sản phòng thuế thành phố (Phụ trách thuế tài sản Chi nhánh thuế thành phố) 市税事務所資産税課 (市税分室資産税担当)	
Liên quan về việc nộp thuế 納税に関すること		Bộ phận nộp thuế phòng thuế thành phố (Phụ trách nộp thuế Chi nhánh thuế thành phố) 市税事務所納税課 (市税分室納税担当)	

8. Địa chỉ liên hệ khác

8. その他のお問合せ先

●Liên hệ về Thuế nhà nước (thuế thu nhập, thuế tiêu thụ và thuế khác)

国税 (所得税、消費税など) に関するお問合せ先

Phòng thuế Nam Minami Kawasaki (công dân sống tại các quận Kawasaki, Saiwai) 川崎南税務署 (川崎区、幸区に住んでいる人)	Tel : 044-222-7531
Phòng thuế Bắc Kita Kawasaki (công dân sống tại các quận Nakahara, Takatsu, Miyamae) 川崎北税務署 (中原区、高津区、宮前区に住んでいる人)	Tel : 044-852-3221
Phòng thuế Tây Nishi Kawasaki (công dân sống tại các quận Tama, Asao) 川崎西税務署 (多摩区、麻生区に住んでいる人)	Tel : 044-965-4911

●Liên hệ về Thuế của tỉnh (Thuế xe hơi, thuế doanh nghiệp và thuế khác)

県税 (自動車税、事業税など) に関するお問合せ

Phòng thuế Kawasaki (công dân sống tại các quận Kawasaki, Saiwai) 川崎県税事務所 (川崎区、幸区に住んでいる人)	Tel : 044-233-7351
Phòng thuế Takatsu (công dân sống tại các quận Nakahara, Takatsu, Miyamae, Tama, Asao) 高津県税事務所 (中原区、高津区、宮前区、多摩区、麻生区に住んでいる人)	Tel : 044-833-1231

●Liên hệ về thủ tục gia hạn thời gian lưu trú

在留期間の更新などに関するお問合せ先

Trung tâm thông tin Cục quản lý xuất nhập cảnh 入国管理局 インフォメーションセンター	Tel : 0570-013904 (PHS・Từ IP và hải ngoại 03-5796-7112) Tel : 0570-013904 (PHS・IP 電話・海外からは 03-5796-7112)
---	---

●Trung tâm giao lưu quốc tế thành phố Kawasaki

(<http://www.kian.or.jp/kic/>)
Tel: 044-435-7000

Tư vấn miễn phí đa ngôn ngữ các vấn đề liên quan đến cuộc sống hàng ngày.

Hiện tại có các ngôn ngữ: Tiếng Anh, Bồ Đào Nha, Hàn Quốc/Triều Tiên, Tây Ban Nha, Tagalog.

※lich tư vấn của mỗi ngôn ngữ sẽ thay đổi tùy theo ngày trong tuần.

●川崎市国際交流センター

(<http://www.kian.or.jp/kic/>)
Tel: 044-435-7000

毎日の生活でお困りになっていることなどについて、多言語による無料相談を行っています。

相談を行っている言語

英語、中国語、ポルトガル語、韓国・朝鮮語、スペイン語、タガログ語

※なお、言語により相談の曜日が決められています。